

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14 – CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 123/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 15/5/2026

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đua

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Quốc Việt
- Ông Trần Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Bích Trăm – là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ: Bà Nguyễn Thị Mỹ Chi – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Lâm Văn T, sinh năm 1992

Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ

(Vắng mặt tại phiên tòa)

2/- Bị đơn: Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1992

Địa chỉ: ấp P, xã T, thành phố Cần Thơ

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/12/2025 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Lâm Văn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Hồng N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang (nay là xã T, thành phố Cần Thơ) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 104/2014 vào ngày 29/9/2014. Do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên

tình cảm ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn mặc dù hai bên đã tạo cho nhau nhiều cơ hội để làm hòa, chung sống. Tuy nhiên, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, không thể sống chung nên đã ly thân 10 năm nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng N.

Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung tên Lâm Thị Cẩm T1, sinh năm 2015. Hiện nay cháu sống chung với mẹ. Sau khi ly hôn, anh đồng ý để cháu Lâm Thị Cẩm T1 cho chị Nguyễn Thị Hồng N chăm sóc và nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lâm Văn T yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày: Chị và anh Lâm Văn T kết hôn năm 2014, có làm lễ cưới theo truyền thống và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Hôn nhân giữa chị và anh là do quen biết tự nguyện rồi tiến đến hôn nhân. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do anh T đã bỏ đi 8 năm và sống ly thân từ năm 2017 – 2018 đến nay. Cha mẹ hai bên không hòa giải để cho anh chị đoàn tụ, chị và anh T cũng không tự hòa giải để giải quyết mâu thuẫn. Nay, về quan hệ hôn nhân, chị N đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lâm Ngọc T2, giới tính nữ, sinh ngày 11/6/2015. Sau khi ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T2 và yêu cầu anh T cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Về nội dung giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Lâm Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng N. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Lâm Ngọc T2, giới tính nữ, sinh ngày 11/6/2015 cho chị Nguyễn Thị Hồng N tiếp tục nuôi dưỡng. Do anh T không trực tiếp nuôi con nên anh phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét

xử không đặt ra xem xét. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nguyên đơn phải chịu; án phí cấp dưỡng buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh Lâm Văn T và chị Nguyễn Thị Hồng N do phát sinh mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân và gia đình mà không thể hàn gắn tình cảm nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng N. Phía chị N có yêu cầu nuôi con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là ly hôn, nuôi con, được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng N có địa chỉ tại xã T nên căn cứ Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ.

[2] Xét về thủ tục tố tụng: Anh Lâm Văn T đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ cung cấp và giao nộp chứng cứ theo quy định của pháp luật và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh T.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu ly hôn của anh Lâm Văn T: Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa anh Lâm Văn T và chị Nguyễn Thị Hồng N là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận, thể hiện tại Giấy chứng nhận kết hôn số 104/2014 do Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Cần Thơ cấp ngày 29/9/2014. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, không thể sống chung nên đã ly thân một thời gian dài. Điều này chứng minh đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình tố tụng, anh T và chị N cũng xác định không còn tình cảm, không thể hàn gắn gia đình nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho anh Lâm Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng N. Do quan hệ hôn nhân giữa anh Lâm Văn T và chị Nguyễn Thị Hồng N không còn tồn tại nên Hội đồng xét xử xác định Giấy chứng nhận kết hôn số 104/2014 do Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Cần Thơ cấp ngày 29/9/2014 cho chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Lâm Văn T không còn giá trị pháp lý.

[3.2] Xét yêu cầu nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị Nguyễn Thị Hồng N: Hội đồng xét xử nhận thấy anh Lâm Văn T và chị Nguyễn Thị Hồng N sống chung với nhau có 01 con chung là cháu Lâm Ngọc T2, giới tính nữ, sinh ngày 11/6/2015. Hiện nay cháu đang sống chung với chị N. Do đó, nhằm ổn định chỗ ở và theo nguyện vọng của cháu T2, Hội đồng xét xử giao cháu Lâm Ngọc T2 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Do anh T không trực tiếp nuôi con chung nên anh phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu theo quy định của pháp luật. Hiện tại mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật tại vùng 3 cho mỗi cháu là 2.070.000 đồng. Do đó, anh T phải cấp dưỡng nuôi cháu Lâm Ngọc T2 với số tiền 2.070.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi (mức cấp dưỡng này thay đổi theo mức lương tối thiểu vùng). Do anh T không trực tiếp nuôi con nên chị N phải tạo điều kiện thuận lợi để anh T được thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

[3.3] Về tài sản chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh Lâm Văn T phải chịu là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Cần Thơ có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lâm Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Lâm Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng N. Giấy chứng nhận kết hôn số 104/2014 do Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Cần Thơ cấp ngày 29/9/2014 cho chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Lâm Văn T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao cháu Lâm Ngọc T2, giới tính nữ, sinh ngày 11/6/2015 cho chị Nguyễn Thị Hồng N tiếp tục nuôi dưỡng. Buộc anh Lâm Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lâm Ngọc T2 mỗi tháng 2.070.000 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi (mức cấp dưỡng này thay đổi theo mức lương tối

thiếu vùng). Anh Lâm Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Anh Lâm Văn T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai số 0000580 ngày 12/01/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 14 – Cần Thơ thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nên anh Lâm Văn T còn phải nộp thêm 300.000 đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Anh Lâm Văn T và chị Nguyễn Thị Hồng N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

7. Về thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tp. Cần Thơ;
- VKSND Khu vực 14 – Cần Thơ;
- UBND xã Thanh Xuân, TP. Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Đua